

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/DS-ST

Ngày: 05/8/2025

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Xuân Thắm, ông Hoàng Tương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2025-05/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp chia thừa kế*” (Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý số 279/TB-TLVA ngày 27/10/2023, đến ngày 29/9/2024 chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết theo thẩm quyền). Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-DS ngày 29/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-DS ngày 17/6/2025, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 82/TB-TA ngày 30/6/2025, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 428/TB-TA ngày 14/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Võ Thị S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số C đường T, tổ E, thôn F, xã H, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

2. Bà Võ Thị N, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số C đường C, tổ A, khu phố B, xã H, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Văn Q, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số E đường N, tổ B,

khu phố B, xã H, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị M, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số A đường P, tổ D, khu phố A, xã H, tỉnh Lâm Đồng; (có mặt)

2. Bà Đào Thị Kiều V, sinh năm 1976 (vắng mặt)

3. Ông Võ Văn B, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số D đường N, tổ B, khu phố B, xã H, tỉnh Lâm Đồng;

4. Bà Nguyễn Thị Cẩm V1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số F đường C, tổ A, khu phố B, xã H, tỉnh Lâm Đồng;

6. Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số E đường C, tổ A, khu phố B, xã H, tỉnh Lâm Đồng; (có mặt)

7. Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số A đường L, khu phố G, xã H, tỉnh Lâm Đồng; (vắng mặt)

8. Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh B

Cơ quan kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hoàng Quốc T1 – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ1. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Võ Thị S và bà Võ Thị N trình bày:

Chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của bà Trần Thị A chết để lại đối với quyền sử dụng thửa đất số 90, tờ bản đồ số 65, diện tích 474,1m² tọa lạc tại khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 707849, do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/11/2022, chia cho các thừa kế theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chúng tôi không có yêu cầu gì khác. Bà An sinh năm 1930, chết ngày 24/02/2021.

Cha của bà Trần Thị A tên là Trần H, sinh năm 1900, đã chết ngày 08/9/1979. Còn mẹ bà A (bà ngoại) thì chúng tôi không biết thông tin họ tên, năm sinh, năm mất; khi bà A còn sống chúng tôi chỉ nghe mẹ (bà A) nói mẹ bà A (bà ngoại chúng tôi) đã chết khi bà A mới có 08 tuổi; quê gốc của bà A là ở huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, ngoài ra chúng tôi không có thông tin gì của liên quan đến mẹ ruột bà A.

Bà Trần Thị A không có cha mẹ nuôi, bà A có 02 đời chồng:

Người chồng thứ nhất là ông Võ T2, sinh năm 1933, đã chết ngày 06/5/1968. Người chồng thứ hai tên là Đào S1, chết năm 2012.

Bà Trần Thị A với ông T2 có 05 người con gồm: Bà Võ Thị S, sinh năm 1960; Bà Võ Thị N, sinh năm 1963; Ông Võ Văn Q, sinh năm 1968; Ông Võ Văn B, sinh năm 1966; Bà Võ Thị Ánh T3, sinh năm 1957 (Đã chết ngày 24/5/2021). Ngoài ra bà A, với ông T2 không có người con chung nào khác.

Bà A với ông S1 có 02 người con gồm: Bà Võ Thị M, sinh năm 1972; Bà Đào Thị Kiều V, sinh năm 1976. Ngoài ra bà A với ông S1 không có người con chung nào khác.

Ngoài những người con trên bà A không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Bà T3 có chồng tên là Nguyễn Thành H1 (đã chết năm 2001). Bà T3 và ông H1 có 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Cẩm V1, sinh năm 1989; Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1981; Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985; Ông Nguyễn Thành Đ, sinh 1991. Ngoài ra bà T3, ông H1 không có người con riêng hay con nuôi nào khác.

Bà A chết không để lại di chúc. Tại thời điểm chết bà A không phải thực hiện nghĩa vụ gì với ai.

Sau khi bà A chết các anh chị em có bàn bạc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 65, diện tích 474,1m² tọa lạc tại khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 707849 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/11/2022. Tuy nhiên, anh em không thỏa thuận được nên chúng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi bà A chết, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 65, diện tích 474,1m² tọa lạc tại khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 707849 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/11/2022 bỏ trống, không có ai quản lý, sử dụng. Trên thửa đất không có công trình kiến trúc, vật xây dựng hay cây trồng gì. Khi Tòa án chia di sản thừa kế là thửa đất 90, chúng tôi có nguyện vọng được nhận giá trị bằng tiền. Ai nhận hiện vật thì hoàn trả bằng tiền cho tôi. Chúng tôi đề nghị chia đều cho các thừa kế.

Bị đơn Võ Văn Q suốt quá trình giải quyết vụ án không tham gia, dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2024 ông Võ Văn B trình bày: Tôi đồng ý chia thừa kế di sản của bà A như nguyên đơn khởi kiện. Khi chia thừa kế tôi có nguyện vọng nhận được di sản bằng hiện vật đối với phần mà tôi được chia. Tại Bản khai ngày 12/9/2024, ông Võ Văn B trình bày: Tôi nhận toàn bộ di sản bằng đất. Tôi sẽ trả lại bằng tiền cho tất cả chị em (hàng thừa kế).

- Tại Bản khai ngày 12/9/2024, bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Tôi đồng ý giao di sản cho ông Võ Văn B và nhận tiền mặt.

- Tại Bản khai ngày 12/9/2024, bà Nguyễn Thị Cẩm V1 trình bày: Tôi đồng ý giao di sản cho ông Võ Văn B và nhận tiền mặt. Và tại Biên bản về việc không tiến hành hoà giải được ngày 13/8/2024 bà V1 có khai: Cha của tôi là ông Nguyễn Thành H1, sinh năm 1955 và chết năm 2001. Mẹ là bà Võ Thị Ánh T3, chết năm 2021. Bà T3, ông H1 có 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Cẩm V1, ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Thành Đ. Ngoài ra bà T3 không để lại di chúc, cũng không phải thực hiện nghĩa vụ với ai. Về việc Toà án chia di sản thừa kế do bà Trần Thị A chết để lại, thì tôi là con bà T3, cháu bà A. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại Bản khai ngày 12/9/2024, bà Võ Thị S trình bày: Tôi đồng ý giao di sản cho ông Võ Văn B và nhận tiền mặt.

- Tại Bản khai ngày 12/9/2024, bà Võ Thị N trình bày: Tôi đồng ý giao di sản cho ông Võ Văn B và nhận tiền mặt.

- Tại biên bản lấy lời khai, bà Võ Thị M trình bày: Bà M khai về quan hệ gia đình như nguyên đơn khai. Bà A chết có để lại di chúc nhưng lúc lập di chúc không thể hiện ngày tháng. Tuy nhiên di chúc này bà M và bà V không quan tâm. Nếu bà S, bà N muốn chia thì cứ chia. Bà không có tranh chấp nhưng nếu phân chia thì bà yêu cầu chia đều di sản cho các anh chị em trong nhà nhưng không được trừ các khoản chi phí tổ tụng hay các khoản chi phí khác liên quan. Ai yêu cầu thì người đó phải trả, bà đồng ý nhận tiền.

- Tại biên bản lấy lời khai, bà Đào Thị Kiều V trình bày: Bà A có lập di chúc nhưng thời điểm đó do thiếu sót không điền ngày tháng. Đối với yêu cầu khởi kiện thì bà V yêu cầu Toà chia theo pháp luật, không yêu cầu chia theo di chúc. Bà M chị tôi yêu cầu chia như thế nào thì tôi cũng theo đó. Bà cũng không quyết cụ thể là nhận tiền mặt hay nhận hiện vật.

- Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành D đề nghị chia phần của bà T3 cho các anh chị em của ông theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh nhận thấy Giấy chứng nhận số DH 707849 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/11/2022 cho bà Trần Thị A khi bà đã chết. Do trước đó bà A đã nộp

hồ sơ chuyển nhượng, cấp đổi sổ, nhưng khi cấp giấy chứng nhận thì bà A đã chết. Nên Tòa án nhân dân huyện Đức Linh chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) giải quyết.

Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh xin vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng; đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 39 BLTTDS; Điều 649, 650, 651, 660 BLDS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị S, bà Võ Thị N.

Xác định quyền sử dụng diện tích đất 474,1m², tọa lạc tại khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận là di sản của bà Trần Thị A. Chấp nhận xét theo nguyện vọng của các bên, giao cho bà Võ Thị S nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 90, bà S có trách nhiệm thanh toán giá trị phần di sản cho các đồng thừa kế còn lại. Cụ thể:

+ Giá trị di sản: 500.500.000 đồng.

+ Mỗi suất thừa kế: $500.500.000/7 = 71.500.000$ đồng.

+ Phần của bà T3 chia đều cho 4 người con: mỗi người được hưởng 17.875.000 đồng.

+ Bà S thanh toán tổng cộng 429.000.000 đồng cho 06 người thừa kế còn lại. Sau khi thanh toán xong, bà S có quyền làm thủ tục đăng ký, cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 90.

Hủy Giấy CNQSD đất số DH 707849 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/11/2022 cho bà Trần Thị A, chia thừa kế theo pháp luật theo hướng như trên.

Bà Võ Thị S được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Thời điểm mở thừa kế của cụ A là ngày 24/02/2021, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Các đương sự đều thừa nhận phần đất yêu cầu chia thừa kế, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 65, diện tích 474,1m² (trong đó có 40 m² là đất thổ cư) tọa lạc tại khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 707849 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/11/2022, do cụ Trần Thị A đứng tên, là di sản do cụ A để lại. Tài sản này có nguồn gốc là theo quyết định phân chia của Tòa án, cho cá nhân cụ Trần Thị An sở H2, sổ gốc được cấp là sổ số CU 353303 ngày 11/01/2020, diện tích đất là 989,5m².

Tháng 6/2020, cụ A ký hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất, còn lại diện tích đất 474,1 m². Việc chuyển nhượng đất trên không có ai tranh chấp, phần đất còn lại sau khi chuyển nhượng được cấp đổi sổ cho cụ Trần Thị A. Việc cấp lại phần phần đất này khi cụ A đã chết là do thời gian giải quyết hồ sơ chậm, không cập nhật được việc cụ A đã chết. Các đương sự không có ý kiến về việc cấp lại giấy cho cụ A, chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất còn lại của cụ A. Xét thấy mặc dù việc cấp lại đất mang tên cụ A khi cụ đã chết là không đúng, nhưng chỉ là do cơ quan chức năng không cập nhật được việc cụ A đã chết. Nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận, mà chỉ cần chia thừa kế theo quy định, là đảm bảo quyền lợi của đương sự và tránh phát sinh thủ tục không cần thiết.

[4] Do đó, xác định di sản của cụ A là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 65, diện tích 474,1m² (trong đó có 40 m² là đất thổ cư), tọa lạc tại khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 707849 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/11/2022. Theo kết quả đo đạc hiện trạng, thửa đất có mốc giới rõ ràng, như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Hiện trạng đất để trống, không có công trình, vật kiến trúc, không ai quản lý sử dụng, không đương sự nào yêu cầu về công sức quản lý di sản thừa kế.

[5] Cụ Trần Thị A chết không để lại di chúc hợp pháp, chỉ có một bản di chúc không có ngày tháng, không được chứng thực. Đồng thời các đương sự đều có ý kiến không cần chia theo di chúc, đề nghị chia theo pháp luật. Nên Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ Trần Thị A. Di sản của cụ A có giá trị quyền sử dụng đất qua định giá là 500.500.000đ. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với giá đã định giá làm căn cứ chia thừa kế, không có đương sự nào yêu cầu định giá lại.

[7] Hàng thừa kế thứ nhất của cụ A gồm: bà Võ Thị Ánh T3, bà Võ Thị S, bà Võ Thị N, ông Võ Văn B, ông Võ Văn Q, bà Võ Thị M, bà Đào Thị Kiều V. Bà Võ Thị Ánh T3 chết sau bà Trần Thị A, chồng bà T3 đã chết năm 2001, nên các con của bà T3 gồm Bà Nguyễn Thị Cẩm V1, ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Thành Đ được chia phần thừa kế của bà T3.

8] Về phân chia di sản cụ thể: Thửa đất có diện tích 474,1m² (trong đó có 40 m² là đất thổ cư), có chiều ngang mặt đường là 7,7m, không chia được bằng hiện vật cho các đồng thừa kế vì không đủ điều kiện tách thửa. Trong vụ án, ông Võ Ngọc B1 có lời khai đề nghị được nhận thửa đất và thanh toán giá trị các kỷ phần cho các đồng thừa kế khác, một số đương sự cũng đồng ý. Tuy nhiên, ông B1 không tham dự các phiên tòa. Tại phiên tòa, bà Võ Thị S trình bày là hiện ông B1 không muốn nhận hiện vật nữa nên không đến tòa. Bà S đồng ý nhận hiện vật, thanh toán giá trị các kỷ phần cho các đồng thừa kế khác, các đương sự có mặt tại tòa đồng ý để bà S nhận hiện vật.

Xét thấy ông B1 không tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giao hiện vật cho ông B1, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của các đương sự có mặt, giao toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà S, bà S có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế.

Giá trị di sản là 500.500.000 đồng, chia thừa kế theo pháp luật là 7 kỷ phần, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng có giá trị là 71.500.000 đồng. Phần của bà T3 chia đều cho 4 người con, mỗi người được hưởng 17.875.000 đồng. Bà S thanh toán tổng cộng 429.000.000 đồng cho 06 đồng thừa kế.

Tại phiên tòa, bà S xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Trần Thị A mà bà đang giữ. Bà S có quyền làm thủ tục để đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất được Tòa án giao quyền sử dụng.

[9] Về án phí, chi phí thẩm định, định giá:

Bà Võ Thị S và bà Võ Thị N đã tạm ứng chi đủ chi phí thẩm định, định giá tài sản. Tại phiên tòa, bà S và bà N tự nguyện chịu số tiền này, không yêu cầu các đương sự khác phải chịu, nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà Võ Thị S và bà Võ Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi. Các đương sự còn lại phải chịu án phí trên số tiền được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 35, khoản 2 Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S và bà Võ Thị N về việc chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị A.

2. Xác định di sản của cụ Trần Thị A là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 65, diện tích 474,1m² (trong đó có 40 m² là đất thổ cư), tọa lạc tại khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 707849 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 07/11/2022, trị giá 500.500.000 đồng. Chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Thị A gồm: bà Võ Thị S, bà Võ Thị N, ông Võ Văn B, ông Võ Văn Q, bà Võ Thị M, bà Đào Thị Kiều V, bà Võ Thị Ánh T3 (phần bà T3 chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm V1, ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Thành Đ). Mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng có giá trị là 71.500.000 đồng.

3. Phân chia cụ thể: Giao cho bà Võ Thị S được quyền sử dụng thửa đất được xác định là di sản thừa kế của cụ Trần Thị A ở mục 2. trên. Bà Võ Thị S phải thanh toán cho bà Võ Thị N, ông Võ Văn B, ông Võ Văn Q, bà Võ Thị M, bà Đào Thị Kiều V mỗi người 71.500.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thị Cẩm V1, ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Thành Đ mỗi người 17.875.000 đồng.

Bà Võ Thị S có quyền làm thủ tục để đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất được Tòa án giao quyền sử dụng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà Võ Thị S và bà Võ Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Văn B, ông Võ Văn Q, bà Võ Thị M, bà Đào Thị Kiều V mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.575.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Cẩm V1, ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Nguyễn Thành Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 893.750 đồng.

Hoàn trả cho bà Võ Thị N số tiền 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0017672 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17).

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LD;
- Thi hành án dân sự khu vực 17.
- THADS tỉnh LD;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thái Bình